

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ MỚI  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2022/DS-ST

Ngày: 30-9-2022

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và Bồi thường thiệt hại về tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Công Đức**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Thanh Liêm**

2. Bà **Phan Thị Nga**

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Triệu Thị Yên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:***

Bà **Đoàn Thụy Thùy Trang** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 309/2014/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2014 về tranh chấp “*Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và Bồi thường thiệt hại về tài sản*” theo Thông báo mở lại phiên tòa số: 23/TB-TA ngày 22 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Tr T C**, sinh năm 1966

Địa chỉ: Ấp AM, xã HA, huyện CM, tỉnh AG.

Người đại diện ủy quyền của bà Tr T C:

Ông **Trần Văn Thon**, sinh năm 1955 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp AM, xã HA, huyện CM, tỉnh AG (văn bản ủy quyền ngày 10/8/2017).

2. *Bị đơn:* Ông **Tr V D**, sinh năm 1965 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp AM, xã HA, huyện CM, tỉnh AG.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông **Trần Văn O**, sinh năm 1945 (Vắng mặt)

3.2. Ông **Trần Văn Dũng**, sinh năm 1958 (Có đơn yêu cầu vắng mặt)

3.3. Bà **Trần Thị Dúng**, sinh năm 1959 (Vắng mặt)

3.4. Bà **Trần Thị Ngon**, sinh năm 1963 (Vắng mặt)

3.5. Bà **Trần Thị Vẹn**, sinh năm 1971 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Cùng ngụ ấp AM, xã HA, huyện CM, tỉnh AG.

### NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản hòa giải ông Trần Văn Thon đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Tr T C trình bày, vào ngày 20/7/1996, bà Tr T C có nhờ ông Trần Văn O là anh của bà chuyển nhượng diện tích đất 98m<sup>2</sup> (ngang 7m, dài 14m) của ông Trần Văn Phát (đã chết) với giá là 4.200.000 đồng. Ngày 20/5/1997 bà Chon tiếp tục chuyển nhượng của ông Trần Văn Phát và Trần Văn Dòn (con ông Phát) ngang 10m, dài 21m với giá 3.400.000 đồng, đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc chuyển nhượng chỉ làm giấy tay và hai bên đã thực hiện việc giao đất và tiền xong. Sau khi chuyển nhượng, bà Chon sử dụng đất đến năm 2014 thì xảy ra tranh chấp do bà Chon xây dựng nhà. Địa phương đã hòa giải nhưng không được.

Ngoài ra, bà Chon yêu cầu ông Dòn bồi thường 50.000.000 đồng là số tiền thiệt hại do không xây dựng được nhà.

Nay ông Thon đại diện theo ủy quyền của bà Chon yêu cầu ông Dòn và các đồng thừa kế của ông Trần Văn Phát tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào năm 1997 với diện tích đất 210m<sup>2</sup> và bồi thường thiệt hại do không xây được nhà với số tiền 50.000.000 đồng.

Bị đơn ông Trần Văn Dòn trình bày, ông và cha ông là Trần Văn Phát có thỏa thuận chuyển nhượng đất như bà Chon trình bày, hai bên có lập Tờ chuyển nhượng đất vào năm 1996, đến năm 1997 thì gộp chung thành một tờ khi bán đất cho bà Chon. Chiều ngang là 6m, chiều dài tính đến mé nước là 21m, đất hình chữ L. Phần diện tích này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi đã chuyển nhượng bà Chon sử dụng đến năm 2014 khi bà Chon cất nhà thì phát sinh tranh chấp nên bà Chon khởi kiện.

Nay ông đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà Chon theo đúng diện tích mà hai bên đã thỏa thuận, không đồng ý với yêu cầu bồi thường 50.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn O trình bày, ông là anh ruột của bà Chon. Vào năm 1996, ông có đứng ra mua dùm cho bà Chon diện tích đất của ông Trần Văn Phát (đã chết) ngang 7m, dài 11m, có xuống trụ đá. Khi bán, phía ông Phát và con là Dòn không có bán lỏi đi chung. Sau khi mua bán, ông đã

giao giấy tờ và đất cho bà Chon sử dụng. Nay ông không có ý kiến gì về việc mua bán này vì ông là người mua dùm và xin được vắng mặt trong các buổi hòa giải, xét xử.

Ông Trần Văn Dũng, Trần Thị Dúng, Trần Thị Ngon, Trần Thị Vẹn trình bày, việc mua bán đất giữa cha là ông Trần Văn Phát (đã chết), Trần Văn Dòn với bà Tr T C, các ông bà không biết và không có ý kiến gì, chỉ yêu cầu bà Chon chữa lỗi đi chung cho các ông bà vì không còn lỗi đi nào khác và xin vắng mặt trong các buổi hòa giải, xét xử.

**Tòa án đã tiến hành đo đạc, xem xét thẩm định, định giá khu đất tranh chấp và tiến hành hòa giải nhưng không được do vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.**

Các đương sự thống nhất bản vẽ ngày 28/9/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh Chợ Mới không yêu cầu đo đạc và định giá lại.

Tại phiên tòa, ông Thon đại diện theo ủy quyền của bà Tr T C rút lại phần bồi thường thiệt hại 50.000.000đ còn các yêu cầu khác vẫn giữ nguyên.

Ông Trần Văn Dòn vẫn giữ nguyên ý kiến.

Ông Trần Văn O, Trần Văn Dũng, Trần Thị Dúng, Trần Thị Ngon, Trần Thị Vẹn đã có yêu cầu xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định.

Về ý kiến giải quyết:

Căn cứ Điều 129 Bộ luật Dân sự; Điều 217, 244 Bộ luật tố tụng dân sự:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tr T C.
- Công nhận hiệu lực của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Tr T C với các ông, bà Trần Văn Dòn, Trần Văn Dũng, Trần Thị Dúng, Trần Thị Ngon, Trần Thị Vẹn đối với diện tích đất 19,9m<sup>2</sup> nối các điểm 7, 8, 9 và diện tích 161,5m<sup>2</sup> nối các điểm 5, 6, 10, 1, 15, 16 theo sơ đồ đo đạc ngày 28/9/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Chợ Mới.
- Công nhận sự tự nguyện của bà Tr T C về việc chữa lỗi đi chung nối các điểm 6, 7, 9, 10 có diện tích 17m<sup>2</sup> theo sơ đồ đo đạc ngày 28/9/2022.
- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Tr T C đối với số tiền 50.000.000 đồng bồi thường thiệt hại hư hao vật tư công trình.
- Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền kê khai và cấp quyền sử dụng đất theo quy định.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về hình thức: Bà Trần Thị Chon khởi kiện yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày **20/5/1997** đối với diện tích 210m<sup>2</sup> giữa bà với cụ Trần Văn Phát (đã chết), ông Trần Văn Dòn tọa lạc tại ấp An Mỹ, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, căn cứ Điều 203 của Luật Đất đai thì Tòa án Nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Các ông, bà Trần Văn O, Trần Văn Dũng, Trần Thị Dúng, Trần Thị Ngon, Trần Thị Vẹn đã có yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Trần Văn O, Trần Văn Dũng, Trần Thị Dúng, Trần Thị Ngon, Trần Thị Vẹn là có căn cứ.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Trần Văn Thon đại diện theo ủy quyền của bà Tr T C rút lại yêu cầu ông Dòn bồi thường thiệt hại 50.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy sự tự nguyện này phù hợp với quy định của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội nên đình chỉ yêu cầu này.

[2]- Về nội dung: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, ông Trần Văn Thon đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20/5/1997 giữa em ông là Tr T C và ông Trần Văn Dòn diện tích 210m<sup>2</sup>, ông Trần Văn Dòn đồng ý theo yêu cầu của ông Thon.

Xét hợp đồng chuyển nhượng ngày 20/5/1997, được các bên thực hiện, trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận của hai bên với diện tích 210m<sup>2</sup> (qua đo đạc thực tế 208,3m<sup>2</sup>), nhưng không tuân thủ về mặt hình thức và nội dung, cụ thể hai bên chỉ làm giấy tờ tay không có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền và đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. **Sau khi nhận chuyển nhượng, bà Chon đã nhận đất và sử dụng ổn định từ năm 1997** đến nay, bị đơn không có ý kiến phản đối và cũng không bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo các quy định của Nhà nước về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Căn cứ theo tiểu mục 2.3 mục 2 phần II Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Chon với cụ Trần Văn Phát (đã chết), Trần Văn Dòn không bị vô hiệu. Do đó, Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên. Đồng thời, theo khoản 2 Điều 129 Bộ luật dân sự quy định: “Giao dịch dân sự đã được xác lập bằng văn bản nhưng vi phạm quy định bắt buộc về công chứng, chứng thực mà một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch thì theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, Tòa án ra quyết định công nhận hiệu lực của giao dịch đó. Trong trường hợp này, các bên không phải thực hiện việc công chứng, chứng thực”.

Chiều theo quy định trên thì bà Chon đã thực hiện xong nghĩa vụ của người nhận chuyển nhượng đất, cụ thể bà Chon đã giao đủ số tiền 3.400.000 đồng cho cụ Phát, ông Dòn, **và đã nhận đất sử dụng từ năm 1997 đến nay**. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải công nhận hiệu lực của giao dịch này. Căn cứ Điều 188 Luật

Đất đai, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20/5/1997 là có căn cứ.

[2.1]- Đối với diện tích đất lối đi bà Chon thống nhất tự nguyện để lại theo sơ đồ đo đạc ngày 28/9/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh Chợ Mới tại các mốc điểm 6, 7, 9, 10 có diện tích 17m<sup>2</sup>. Hội đồng xét xử xét thấy, việc bà Chon tự nguyện để lại lối đi là phù hợp với quy định của pháp luật và hiện trạng đất vì các đương sự không có lối đi nào khác, nên Hội đồng xét xử có cơ sở xem xét chấp nhận sự tự nguyện của bà Chon đối với diện tích đất 17m<sup>2</sup> tại các mốc điểm 6, 7, 9, 10.

[2.2]- Đối với việc ông Thon đại diện theo ủy quyền của bà Chon rút lại yêu cầu ông Dòn bồi thường thiệt hại 50.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện này và đình chỉ phần yêu cầu bồi thường thiệt hại 50.000.000đ.

[2.3]- Đối với diện tích đất tọa lạc tại ấp An Mỹ, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Tòa án đã tiến hành đo đạc, thẩm định, định giá đất tranh chấp được Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Chợ Mới thể hiện tại sơ đồ khu đất tranh chấp ngày 28/9/2022, diện tích đất tranh chấp 208,3m<sup>2</sup> tại các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 7,8,9 do bà Chon đang quản lý, trên đất có 01 nền nhà đang xây dở dang của bà Tr T C diện tích 90,3m<sup>2</sup> tại các điểm 11, 12, 13, 14. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, các đương sự thống nhất việc định giá, diện tích đất chuyển nhượng đã đo đạc theo thực tế và không yêu cầu đo đạc, định giá lại.

Tuy nhiên, trong phần đất này có phần đất nương công cộng diện tích 26,9m<sup>2</sup> thể hiện qua các điểm 1, 2, 3, 4, 16, 15 nên phải trừ vào diện tích chuyển nhượng qua đo đạc thực tế 208,3m<sup>2</sup>, diện tích còn lại là 181,4m<sup>2</sup>, trong đó các điểm 5, 6, 10, 1, 15, 16 có diện tích 161,5m<sup>2</sup> và các điểm 7,8,9 có diện tích 19,9m<sup>2</sup>. Do đó, công nhận diện tích đất này.

[2.4]- Đối với Trần Văn Dũng, Trần Thị Dúng, Trần Thị Ngon, Trần Thị Vẹn, Tòa án đã tiến hành đưa những người này là con của ông Trần Văn Phát (đã chết) tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử do ông Phát đã chết nên các đương sự là những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Phát để lại, nên ông Trần Văn Dũng, Trần Thị Dúng, Trần Thị Ngon, Trần Thị Vẹn cùng với ông Dòn có trách nhiệm thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[3]- Đối với chi phí định giá 1.600.000 đồng và chi phí đo đạc 718.300 đồng, tổng cộng 2.318.300 đồng do được chấp nhận yêu cầu nên bà Trần Thị Chon không phải chịu chi phí này (bà Chon đã nộp xong). Ông Trần Văn Dòn có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền này cho bà Chon.

[4]- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Trần Văn Dòn phải chịu án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 26, 34, 35, 39, 144, 147, 157, 165, 166, 217, 227, 244, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 129 Bộ luật dân sự.

Điều 203 Luật đất đai

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà **Tr T C**.

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20/5/1997 đối với diện tích 181,4m<sup>2</sup>, trong đó các mốc điểm 5, 6, 10, 1, 15, 16 có diện tích 161,5m<sup>2</sup> và 7, 8, 9 có diện tích 19,9m<sup>2</sup> theo sơ đồ đo đạc ngày 28/9/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Chợ Mới giữa bà Tr T C với cụ Trần Văn Phát, ông Trần Văn Dòn.

Công nhận sự tự nguyện của bà Tr T C về việc chừa lối đi chung diện tích đất 17m<sup>2</sup> theo các mốc điểm 6, 7, 9, 10 theo sơ đồ đo đạc ngày 28/9/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Chợ Mới.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Tr T C đòi ông Trần Văn Dòn bồi thường số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký đất đai đúng với diện tích đất mà mình được sử dụng theo quy định của Luật Đất đai.

Bản vẽ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 28/9/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh Chợ Mới là một bộ phận không tách rời bản án.

Ông Trần Văn Dòn phải chịu chi phí định giá và đo đạc 2.318.300 đồng (Hai triệu, ba trăm mười tám ngàn, ba trăm đồng) và hoàn lại cho bà Tr T C số tiền này.

- Án phí dân sơ thẩm: Ông Trần Văn Dòn phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Bà Tr T C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 2.250.000đ (Hai triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai số 06099 ngày 14/10/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh An Giang trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt Bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7A và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM      THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Công Đức**







*Hướng dẫn sử dụng mẫu bản án sơ thẩm:*

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động. Tuy nhiên, cần lưu ý là việc ghi số, ký hiệu và trích yếu trong bản án sơ thẩm phải thực hiện theo đúng hướng dẫn tại mục 2 Phần 1 Nghị quyết số 01/2005/NQ-HĐTP ngày 31/3/2005 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể để việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(1) Nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tây).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án theo đúng tinh thần hướng dẫn của Chính phủ về cách ghi số văn bản, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án theo hướng dẫn tại mục 2 Phần I Nghị quyết số 01/2005/NQ-HĐTP ngày 31/3/2005 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2005 có số 108 thì ghi: Số. 108/2005/HNGĐ-ST).

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi đúng theo việc ghi trích yếu được hướng dẫn tại mục 2 Phần I Nghị quyết số 01/2005/NQ-HĐTP ngày 31/3/2005 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ đủ họ và tên của Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng "Thẩm phán...", đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ và tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ và tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, họ và tên của Thẩm phán, họ và tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa và tên của Tòa án, nơi Thư ký Tòa án công tác như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa thì ghi như hướng dẫn lại điểm (1) song đổi các chữ "Tòa án nhân dân" thành "Viện kiểm sát nhân dân".

(9) Trong trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ "Trong các" (ví dụ: Ngày 15 tháng 3 năm 2005 tại...).

Trong trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày trở lên, nếu số ngày tương đối ít thì có thể ghi đủ số ngày (ví dụ: Trong các ngày 3, 4 và 5 tháng 3...); nếu số ngày nhiều liên nhau thì ghi từ ngày đến ngày (ví dụ: Trong các ngày từ ngày 7 đến 11 tháng 3 năm...); nếu khác tháng mà xét xử liên tục thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Trong các ngày từ ngày 28-2 đến ngày 02-3 năm...), nếu không xét xử liên tục thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm...).

(10) Nếu xét xử kín thì thay hai chữ "công khai" bằng chữ "kín".

(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi "DS"; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi "HNGĐ"; nếu là

tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi "KDTM"; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi "LĐ" (ví dụ: số 18/2005/TLST-HNGĐ).

(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú. Nếu nguyên đơn là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh.

Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì đã ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì còn ghi chú trong ngoặc đơn: "văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...".

Ví dụ 1: ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thặng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là luật sư thì ghi là luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).

(22) và (23) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(24) Trong phần này ghi quan hệ được xác lập giữa các đương sự dẫn đến có tranh chấp; các vấn đề cụ thể mà người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết; yêu cầu phản tố (nếu có) và đề nghị cụ thể của bị đơn; yêu cầu độc lập và đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (chú ý không mô tả diễn biến sự việc theo lời trình bày của các đương sự).

Ví dụ 1: Trong đơn khởi kiện ngày... tháng... năm... (được bổ sung ngày... tháng... năm..., nếu có). nguyên đơn là... trình bày giữa nguyên đơn và bị đơn là... có giao kết hợp đồng kinh doanh thương mại về vận chuyển hàng hoá. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng, nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn: (các yêu cầu cụ thể).

Tại văn bản phản tố ngày... tháng... năm... (hoặc tại văn bản ngày... tháng... năm..., hoặc tại phiên toà sơ thẩm) bị đơn có yêu cầu, đề nghị Tòa án giải quyết (các yêu cầu, đề nghị cụ thể).

Tại văn bản ngày... tháng... năm... (hoặc tại phiên toà sơ thẩm) người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là... (nếu có) có yêu cầu độc lập, đề nghị: (các yêu cầu, đề nghị cụ thể).

Ví dụ 2: Trong đơn khởi kiện (đơn xin ly hôn) ngày... tháng... năm... (được bổ sung ngày... tháng... năm..., nếu có) nguyên đơn là... trình bày giữa nguyên đơn và bị đơn là... đăng ký kết hôn ngày... tháng... năm... Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết (các yêu cầu cụ thể: ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung...).

Tại văn bản ngày... tháng... năm... (hoặc tại phiên toà sơ thẩm bị đơn là... có yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết (các yêu cầu, đề nghị cụ thể).

Tại văn bản ngày... tháng... năm... (hoặc tại phiên tòa sơ thẩm) người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là...(nếu có) có yêu cầu độc lập, đề nghị các yêu cầu, đề nghị cụ thể).

(25) Trong phần này ghi nhận định của Tòa án. phải phân tích những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận lòng yêu cầu. đề nghị cụ thể của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có). Căn viện dẫn điểm. khoản và điều luật của văn bản quy phạm pháp luật mà Tòa án căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận.

(26) Trong phần này ghi áp dụng điểm. khoản. điều luật của văn bản quy phạm pháp luật mà Tòa án căn cứ để ra quyết định. Ghi các quyết định của Tòa án về tổng vấn đề phải giải quyết trong vụ án. về án phí và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó.

(27) Phần cuối cùng của bản án. nếu là bản án gốc được thông qua tại phòng nghị án thì cần phải có đầy đủ chữ ký. họ và tên của các thành viên Hội đồng xét xử (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); nếu là bản án chính để gửi cho các đương sự. cơ quan. tổ chức khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp thì còn ghi như sau:

**Nơi nhận:**

*(Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản chính).*

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
*(Ký tên và đóng dấu của Tòa án)*

(Họ và tên)